

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83, 85; và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/05/2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983.

Cư trú: 162/9 Đường số A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Quốc H1, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: ấp 1, xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai.

Cư trú: 162/9 Đường số A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là loại việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2, Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đang cư trú tại Quận 2 nên việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về các yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 Quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc H1 là hợp pháp.

Căn cứ theo Đơn yêu cầu ngày 25/03/2019, các bản tự khai, và biên bản hòa giải đoàn tụ có tại hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong đời sống vợ chồng, bà H và ông H1 phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H và ông H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Tại phiên hòa giải đoàn tụ, bà H và ông H1 không mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, họ cùng yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, và yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của ông bà như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc H1 cùng thừa nhận có 02 con chung, là cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 01/02/2011 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 28/05/2012. Bà H và ông H1 thỏa thuận: Giao cả cháu Trần Hoàng A và cháu Trần Hoàng P cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông H1 thực hiện trách nhiệm về mức cấp dưỡng nuôi con đối với hai con chung, mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000đ/cháu/tháng) cho đến khi các con thành niên. Các bên tự thực hiện việc giao nhận vào ngày 15 dương lịch hàng tháng.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nội dung thỏa thuận trên đây của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/05/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc H1 thuận tình ly hôn. Quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa bà H với ông H1 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 Quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2009), chấm dứt kể từ ngày 24/05/2019.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Hoàng A (sinh ngày 01/02/2011) và cháu Trần Hoàng P (sinh ngày 28/05/2012) cho đến khi con chung thành niên và tự lập.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc H1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về mức cấp dưỡng nuôi con đối với hai con chung, mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000đ/cháu/tháng), kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên và tự lập. Bà H và ông H1 tự thực hiện việc giao nhận các khoản cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Hoặc yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chịu, được căn trừ vào số tiền lệ phí bà H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0016315 ngày 16/05/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Chí Quang

